

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH
TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2018/HNGĐ - ST**

Ngày 02/3/2018

"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Tú.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Duy Phụng

2/ Ông Hoàng Huy Phúc

**- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện
Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.**

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.**

Ngày 02/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên
Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2017/TLST-HNGĐ, ngày 10
tháng 11 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/ 01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị X, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Triệu Văn C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Đã được triệu tập họp lệ 2 lần nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2017
nguyên đơn bà Trương Thị X trình bày:**

Bà và ông Triệu Văn C chung sống với nhau từ tháng 01/1991 trên cơ sở tự
nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo
phong tục tập quán của địa phương, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc. Được 4 năm thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C thường xuyên rượu chè, cờ bạc và đánh đập bà, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Bà X xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng nên không thể chung sống được nữa bà đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố bà và ông C không phải là vợ chồng.

Về con chung, bà Trương Thị X và ông Triệu Văn C có ba con chung là:

Triệu Thị Chuyền, sinh ngày 22/11/1993

Triệu Thị Thu, sinh ngày 09/10/1994

Triệu Văn Mạnh, sinh ngày 13/7/1999

Hiện tại cả 3 con đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên bà X không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2018 bị đơn ông Triệu Văn C trình bày:

Ông và bà Trương Thị X chung sống với nhau từ năm 1991 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau khi ông C đi làm ăn ở Trung Quốc về thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà X bỏ đi theo người đàn ông khác nên không về nhà nữa

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà X có ba con chung như bà X trình bày, hiện nay các con đều đã trưởng thành và sống tự lập nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 10/01/2018 Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang cung cấp như sau:

Bà Trương Thị X và ông Triệu Văn C chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn, cuộc sống của ông C và bà X không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, về con chung của ông C, bà X hiện nay đều trên 18 tuổi, tại địa phương ông C và bà X không vay nợ cá nhân, tổ chức nào.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, được thực hiện tốt, bị đơn chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng: các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, Điều 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị X, đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Thị X và ông Triệu Văn C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trương Thị X và ông Triệu Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, việc chung sống là do hai bên tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà X, ông C là không hợp pháp.

Thời gian chung sống như vợ chồng giữa ông C và bà X từ năm 1991, quá trình chung sống được 4 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, ông C thường xuyên uống rượu rồi đánh bà X, từ năm 2014 đến nay bà X và ông C không còn chung sống với nhau nữa. Việc chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn của ông C, bà X là vi phạm pháp luật hôn nhân và gia đình, trong quá trình chung sống bà X và ông C cũng không thực hiện đăng ký kết hôn bổ sung, như vậy mối quan hệ của bà X và ông C không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà X, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà X và ông C có ba con chung là Triệu Thị C, sinh ngày 22/11/1993; Triệu Thị T, sinh ngày 09/10/1994 và Triệu Văn M, sinh ngày 13/7/1999. Hiện tại cả 3 con đều đã đủ 18 tuổi, có khả

năng lao động, bà X và ông C đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông C, bà X có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vay nợ chung: Ông C, bà X không vay nợ ai, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Trương Thị X phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, khoản 7 Điều 28, Điều 147, Điều 206, 227, 228, 238, khoản 1 Điều 235, Điều 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị X

Tuyên bố bà Trương Thị X và ông Triệu Văn C không phải vợ chồng.

Về án phí: Bà Trương Thị X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0003824 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Bà X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị X và ông Triệu Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tuấn Tú